



**CÔNG TY CỔ PHẦN SẢN XUẤT KINH DOANH XUẤT NHẬP KHẨU BÌNH THẠNH  
GILIMEX**

334A Phan Văn Trị, Phường 11, Quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

Điện thoại : 84-8-35162288

Fax: 84-8-35160118

Website: <http://www.gilimex.com>

Số : 01/TTr – ĐHCĐTN.2016

TP. Hồ Chí Minh, ngày 01 tháng 04 năm 2016

## TỜ TRÌNH

*V/v: Sửa đổi Điều lệ Công ty*

### **Kính gửi: Đại hội đồng cổ đông Công ty CP SXKD XNK Bình Thạnh**

- Căn cứ vào Luật Doanh nghiệp Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014
- Căn cứ vào Điều lệ Công ty CP SXKD và XNK Bình Thạnh sửa đổi ngày 20/4/2014
- Căn cứ vào nhiệm vụ và quyền hạn của Đại hội đồng cổ đông

Hội đồng Quản trị Công ty GILIMEX kính trình Đại hội đồng cổ đông xem xét phê duyệt nội dung sửa đổi điều lệ Công ty cổ phần SXKD XNK Bình Thạnh (Nội dung đính kèm tờ trình).

Kính trình Đại hội đồng Cổ đông xem xét và biểu quyết phê duyệt từng nội dung sửa đổi trong Điều lệ Công ty như trên.

Trân trọng.

**Nơi nhận:**

- Như trên
- Lưu VP.

**TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH**



**LÊ HÙNG**

**NỘI DUNG SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ GILIMEX THEO LUẬT DOANH NGHIỆP 2014  
ĐÍNH KÈM TỜ TRÌNH SỐ 01/TTr – ĐHCĐTN2016**

STT	Hạng mục	Nội dung hiện hành (Theo Điều lệ Gilimex đã được bổ sung, chỉnh sửa và in lại lần 14 ngày 20/04/2014)	Nội dung mới (Theo Luật Doanh nghiệp mới được thông qua ngày 26/11/2014)	Nội dung điều chỉnh
1	<b>Điều 1: Định nghĩa</b>  <i>Khoản 1, Điểm b</i>	“Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005.	“Luật Doanh nghiệp” có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.	“Luật Doanh nghiệp số 60/2005/QH11 được Quốc hội thông qua ngày 29 tháng 11 năm 2005” → “Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014”.  <i>Lý do:</i> Luật Doanh nghiệp 2014 được Quốc hội thông qua ngày 26/11/2014 và có hiệu lực từ ngày 01/07/2015.
2	<b>Điều 1: Định nghĩa</b>  <i>Khoản 1, Điểm a</i>	“Vốn điều lệ” là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.	“Vốn điều lệ” là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này. <sup>3</sup>	“Là vốn do tất cả các cổ đông đóng góp” → “là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán hoặc đã được đăng ký mua khi thành lập doanh nghiệp”  <i>Lý do:</i> Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 29, Điều 4 của Luật doanh nghiệp mới.
3	<b>Điều 3: Mục tiêu hoạt động của công ty.</b>  <i>Khoản 1</i>	Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:  a. Sản xuất, chế biến và xuất khẩu hàng nông lâm thủy hải sản, thủ công mỹ nghệ, may mặc, hàng da, cao su, lương thực, thực phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu xây dựng, các loại nguyên liệu và các sản phẩm khác  b. Nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư, phương tiện vận tải, hàng tiêu dung, kim khí điện máy, điện tử  c. Dịch vụ thương mại và dịch vụ cầm đồ  d. Xây dựng, trang trí nội thất, san lấp mặt bằng, kinh doanh địa ốc.  e. Hợp tác đầu tư trong lĩnh vực du lịch,	Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là:  a. Sản xuất, chế biến và xuất khẩu hàng nông lâm thủy hải sản, thủ công mỹ nghệ, may mặc, hàng da, cao su, lương thực, thực phẩm, thiết bị, máy móc, vật liệu xây dựng, các loại nguyên liệu và các sản phẩm khác  b. Nhập khẩu máy móc, thiết bị, nguyên liệu, vật tư, phương tiện vận tải, hàng tiêu dung, kim khí điện máy, điện tử  c. Dịch vụ thương mại và dịch vụ cầm đồ  d. Xây dựng, trang trí nội thất, san lấp mặt bằng, kinh doanh địa ốc.  e. Hợp tác đầu tư trong lĩnh vực du lịch, nhà	Bổ sung thêm Khoản f : “Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm”.  <i>Lý do:</i> Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 1, Điều 7 của Luật doanh nghiệp mới.

		nhà hàng, khách sạn	hàng, khách sạn	
			<b>f. Tự do kinh doanh trong những ngành, nghề mà luật không cấm</b>	
4	<b>Điều 4:</b> <b>Phạm vi kinh doanh và hoạt động</b>  <b>Khoản 1</b>	Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo ngành nghề kinh doanh đã đăng ký và Điều lệ này, phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.	“theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh” → “theo ngành nghề kinh doanh đã đăng ký”.  <i>Lý do:</i> Theo quy quy định tại Điều 7 và Điều 29 của Luật Doanh nghiệp 2014 thì doanh nghiệp được tự do kinh doanh những ngành nghề mà luật không cấm và trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh sẽ không còn nội dung về ngành nghề kinh doanh
5	<b>Điều 5: Vốn Điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập</b>  <b>Khoản 3</b>	Công ty có thể tăng vốn Điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.	Công ty có thể điều chỉnh vốn điều lệ bằng các hình thức sau đây:  a. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông, công ty hoàn trả một phần vốn góp cho cổ đông theo tỷ lệ sở hữu cổ phần của họ trong công ty nếu công ty đã hoạt động kinh doanh liên tục trong hơn 02 năm, kể từ ngày đăng ký doanh nghiệp; đồng thời vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác sau khi đã hoàn trả cho cổ đông.  b. Công ty mua lại cổ phần đã phát hành quy định tại Điều 129 và Điều 130 của Luật Doang nghiệp.  c. Vốn điều lệ không được các thành viên thanh toán đầy đủ và đúng hạn theo quy định tại Điều 112 của Luật Doanh nghiệp.	Thay toàn bộ nội dung cũ bằng nội dung mới.  <i>Lý do:</i> Thay đổi để phù hợp với nội dung tại Khoản 5, Điều 111, Luật Doanh nghiệp 2014.
6	<b>Điều 6:</b> <b>Chứng chỉ cổ phiếu</b>  <b>Khoản 5</b>	Trường hợp chứng chỉ cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu ghi danh đó có thể yêu cầu được cấp chứng	Trường hợp cổ phiếu bị mất, bị rách, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác thì cổ đông được công ty cấp lại cổ phiếu theo đề nghị của cổ đông đó.	Quy định rõ hơn về đề nghị cấp lại cấp lại cổ phiếu của cổ đông.

		nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.	<p><b>Đề nghị của cổ đông phải có cam đoan về các nội dung sau đây:</b></p> <p><b>a. Cổ phiếu thực sự đã bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác; trường hợp bị mất thì cam đoan thêm rằng đã tiến hành tìm kiếm hết mức và nếu tìm lại được sẽ đem trả công ty để tiêu hủy;</b></p> <p><b>b. Chịu trách nhiệm về những tranh chấp phát sinh từ việc cấp lại cổ phiếu mới.</b></p> <p><b>Đối với cổ phiếu có tổng mệnh giá trên mười triệu đồng Việt Nam, trước khi tiếp nhận đề nghị cấp cổ phiếu mới, người đại diện theo pháp luật của công ty có thể yêu cầu chủ sở hữu cổ phiếu đăng thông báo về việc cổ phiếu bị mất, bị cháy hoặc bị tiêu hủy dưới hình thức khác và sau 15 ngày, kể từ ngày đăng thông báo sẽ đề nghị công ty cấp cổ phiếu mới.</b></p>	<i>Lý do:</i> Điều chỉnh để phù hợp với Khoản 3, Điều 120 của Luật Doanh nghiệp 2014.
7	<b>Điều 11:</b> <b>Quyền của cổ đông</b>  <i>Khoản 2</i> <i>Điểm e</i>	Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.	Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác.	<p>“Kiểm tra các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông” → “Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin trong Danh sách cổ đông có quyền biểu quyết”.</p> <p><i>Lý do:</i> Điều chỉnh để phù hợp với Điểm đ, Khoản 1, Điều 114 của Luật Doanh nghiệp 2014.</p>
8	<b>Điều 11:</b> <b>Quyền của cổ đông</b>  <i>Khoản 2</i> <i>Điểm h</i>	Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 90.1 của Luật Doanh nghiệp.	Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định tại Điều 129 của Luật Doanh nghiệp.	<p>“Điều 90.1” → “Điều 129”</p> <p><i>Lý do:</i> Điều chỉnh tương ứng với thứ tự các Điều trong Luật Doanh nghiệp 2014.</p>

9	<p><b>Điều 11:</b> <b>Quyền của cổ đông</b></p> <p><b>Khoản 3</b></p>	<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24 và Điều 35.</li> <li>Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông</li> <li><b>Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông.</b></li> <li>Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.</li> <li>Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.</li> </ol>	<p>Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 10% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đề cử các thành viên Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát theo quy định tương ứng tại các Điều 24 và Điều 35.</li> <li>Yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông</li> <li><b>Xem và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và báo cáo của Ban kiểm soát.</b></li> <li>Yêu cầu Ban kiểm soát kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra.</li> </ol> <p>Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.</p>	<p>Bỏ nội dung: “Kiểm tra và nhận bản sao hoặc bản trích dẫn danh sách các cổ đông có quyền tham dự và bỏ phiếu tại Đại hội đồng cổ đông”.</p> <p><b>Lý do:</b> Nội dung này đã có tại Khoản 2 của Điều này.</p> <p>Bổ sung thêm nội dung: “Xem và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam và báo cáo của Ban kiểm soát”.</p> <p><b>Lý do:</b> Điều chỉnh cho phù hợp với nội dung tại Khoản 2, Điều 114, Luật Doanh nghiệp 2014.</p>
10	<p><b>Điều 12:</b> <b>Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông</b></p>	<p>Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty, dự họp Đại hội đồng cổ đông đầy đủ để đảm bảo tỷ lệ theo luật định <b>65%</b>, nếu không đi được phải ủy quyền cho người khác</p>	<p>Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty, dự họp Đại hội đồng cổ đông đầy đủ để đảm bảo tỷ lệ theo luật định <b>51%</b>, nếu không đi được phải ủy quyền cho người khác</p>	<p>“65%” → “51%”</p> <p><b>Lý do:</b> Điều chỉnh cho phù hợp với tỷ lệ cổ đông dự họp đủ điều kiện để tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông được quy định</p>

	<b>Khoản 1</b>	thay thế, hoặc thành viên HĐQT thay thế hoặc xác nhận tham dự bằng thư điện tử trên website: <a href="http://www.gilimex.com">http://www.gilimex.com</a> .	thay thế, hoặc thành viên HĐQT thay thế hoặc xác nhận tham dự bằng thư điện tử trên website: <a href="http://www.gilimex.com">http://www.gilimex.com</a> .	tại Khoản 1, Điều 141 của Luật Doanh nghiệp 2014.
11	<b>Điều 12:</b> <b>Nghĩa vụ của cổ đông phổ thông</b>  <b>Khoản 6</b>	Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:  a. Vi phạm pháp luật b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác. c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.	Đề nghị bỏ nghĩa vụ này ra khỏi điều lệ Công ty.	Đề nghị bỏ nghĩa vụ này ra khỏi điều lệ Công ty.  <i>Lý do:</i> Điều 115 Luật doanh nghiệp 2014 không còn quy định nghĩa vụ này nữa.
12	<b>Điều 13: Đại hội đồng cổ đông.</b>  <b>Khoản 2</b>	Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.	Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. <b>Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp.</b> Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và ngân sách tài chính cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.	Bổ sung thêm đoạn: “Địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông phải ở trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp cuộc họp Đại hội đồng cổ đông được tổ chức đồng thời ở nhiều địa điểm khác nhau thì địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông được xác định là nơi chủ tọa tham dự họp”.  <i>Lý do:</i> Làm rõ thêm về địa điểm họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 1, Điều 136 của Luật Doanh nghiệp 2014.
13	<b>Điều 13: Đại hội đồng cổ đông.</b>	Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các	Ban kiểm soát yêu cầu triệu tập cuộc họp nếu Ban kiểm soát có lý do tin tưởng rằng các thành viên Hội đồng quản trị hoặc cán bộ quản lý cấp cao vi phạm nghiêm trọng các	“Điều 119” → “Điều 160”  <i>Lý do:</i> Điều chỉnh tương ứng với thứ tự

	<b>Khoản 3 Điểm e</b>	nghĩa vụ của họ theo <b>Điều 119</b> Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.	nghĩa vụ của họ theo <b>Điều 160</b> Luật Doanh nghiệp hoặc Hội đồng quản trị hành động hoặc có ý định hành động ngoài phạm vi quyền hạn của mình.	các Điều trong Luật Doanh nghiệp 2014.
14	<b>Điều 13: Đại hội đồng cổ đông.</b>  <b>Khoản 4 Điểm b</b>	Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 <b>Điều 97</b> Luật Doanh nghiệp.	Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, Ban kiểm soát phải thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 5 <b>Điều 136</b> Luật Doanh nghiệp.	“Điều 97” → “Điều 136”  <i>Lý do:</i> Điều chỉnh tương ứng với thứ tự các Điều trong Luật Doanh nghiệp 2014.
15	<b>Điều 13: Đại hội đồng cổ đông.</b>  <b>Khoản 4 Điểm c</b>	Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 <b>Điều 97</b> Luật Doanh nghiệp.	Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội cổ đông theo quy định tại Khoản 4b Điều 13 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 13 có quyền thay thế Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 <b>Điều 136</b> Luật Doanh nghiệp.	“Điều 97” → “Điều 136”  <i>Lý do:</i> Điều chỉnh tương ứng với thứ tự các Điều trong Luật Doanh nghiệp 2014.
16	<b>Điều 14: Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b>  <b>Khoản 1</b>	Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm b. Báo cáo của Ban kiểm soát c. Báo cáo của Hội đồng quản trị d. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.	Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua: a. Báo cáo tài chính kiểm toán hàng năm b. Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng Giám đốc. c. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng kiểm soát viên. d. Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị. e. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn	“Báo cáo của Ban kiểm soát” → “Báo cáo của Ban kiểm soát về kết quả kinh doanh của công ty, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng Giám đốc.”  “ Báo cáo của Hội đồng quản trị” → “Báo cáo của Hội đồng quản trị về quản trị và kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị và từng thành viên Hội đồng quản trị”.  Bổ sung thêm nội dung: “Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và của từng kiểm soát viên”.  <i>Lý do:</i> Làm rõ hơn về các báo cáo được

			của Công ty.	thảo luận tại Đại hội theo quy định tại Điều 136 của Luật Doanh nghiệp 2014.
17	<b>Điều 14:</b> <b>Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b>  <i>Khoản 2</i> <i>Điểm l</i>	Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị <b>từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty</b> và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.	Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị <b>từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty</b> và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.	“ từ 50% trở lên” → “từ 35% trở lên”.  <i>Lý do:</i> Điều chỉnh giá trị tài sản cần thông qua Đại hội đồng cổ đông trước khi thực hiện giao dịch mua hoặc bán tài sản theo quy định tại Điểm d, Khoản 2, Điều 135 của Luật Doanh nghiệp 2014.
18	<b>Điều 14:</b> <b>Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông</b>  <i>Khoản 2</i> <i>Điểm o</i>	Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại <b>Điều 120.1</b> của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.	Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại <b>Điều 162</b> của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất.	“Điều 120.1” → “Điều 162”  <i>Lý do:</i> Điều chỉnh tương ứng với thứ tự các Điều trong Luật Doanh nghiệp 2014.
19	<b>Điều 15:</b> <b>Các đại diện được ủy quyền</b>  <i>Khoản 2</i> <i>Điểm b</i>	Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.	Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức, là người ủy quyền thì phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông, <b>đóng dấu của tổ chức</b> và có chữ ký của người được ủy quyền dự họp, <b>số lượng người đại diện theo ủy quyền và tỷ lệ cổ phần, phần vốn góp tương ứng mỗi người đại diện theo ủy quyền.</b>	Bổ sung thêm nội dung được in đậm.  <i>Lý do:</i> Làm rõ hơn những yêu cầu về việc ủy quyền đối với cổ đông là tổ chức theo quy định tại Điểm b, Khoản 4, Điều 15, Luật Doanh nghiệp 2014.
20	<b>Điều 17:</b> <b>Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông</b>	Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải bao gồm chương trình họp và các thông tin liên quan về các vấn đề sẽ được thảo luận và biểu quyết tại đại hội. Đối với các cổ đông đã thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, <b>thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi đến tổ chức lưu ký, đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở Giao dịch Chứng khoán/ Trung tâm Giao dịch</b>	Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông phải <b>gửi thông báo mời họp đến tất cả các cổ đông trong Danh sách cổ đông có quyền dự họp chậm nhất 10 ngày trước ngày khai mạc.</b> Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thường trú của cổ đông thời gian và địa điểm họp, những yêu cầu phải có đối với người dự họp.	Thay toàn bộ nội dung cũ bằng nội dung mới.  <i>Lý do:</i> Điều chỉnh cho phù hợp với Khoản 1, Khoản 2 và Khoản 3 Điều 139 Luật Doanh nghiệp 2014.



	<b>Khoản 3</b>	<p>Chứng khoán, trên website của công ty, 01 tờ báo trung ương hoặc 01 tờ báo địa phương nơi công ty đóng trụ sở chính. Đối với các cổ đông chưa thực hiện việc lưu ký cổ phiếu, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi cho cổ đông bằng cách chuyển tận tay hoặc gửi qua bưu điện bằng phương thức bảo đảm tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông, hoặc tới địa chỉ do cổ đông đó cung cấp để phục vụ việc gửi thông tin. Trường hợp cổ đông đã thông báo cho Công ty bằng văn bản về số fax hoặc địa chỉ thư điện tử, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông có thể được gửi tới số fax hoặc địa chỉ thư điện tử đó. Trường hợp cổ đông là người làm việc trong Công ty, thông báo có thể đựng trong phong bì dán kín gửi tận tay họ tại nơi làm việc. <b>Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi trước ít nhất mười lăm ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông</b>, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Trường hợp Công ty có website, thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty đồng thời với việc gửi thông báo cho các cổ đông.</p>	<p>Thông báo được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ liên lạc của cổ đông; đồng thời đăng trên trang thông tin điện tử của công ty.</p> <p>Các tài liệu kèm theo Thông báo mời họp bao gồm: chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp; mẫu chỉ định đại diện theo ủy quyền dự họp, sẽ được đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty.</p>	
21	<p><b>Điều 18:</b> <b>Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><i>Khoản 1</i></p>	<p>Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>“65%” → “51%”</p> <p><i>Lý do:</i> Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Khoản 1, Điều 141, Luật Doanh nghiệp 2014</p>
22	<p><b>Điều 18:</b> <b>Các điều</b></p>	<p>Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu</p>	<p>Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu</p>	<p>“51%” → “33%”</p>

	<p><b>Kiến tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><b>Khoản 2</b></p>	<p>cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p>cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, đại hội phải được triệu tập lại trong vòng ba mươi ngày kể từ ngày dự định tổ chức Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 33% cổ phần có quyền biểu quyết.</p>	<p><i>Lý do:</i> Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Khoản 2, Điều 141, Luật Doanh nghiệp 2014</p>
23	<p><b>Điều 19: Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><b>Khoản 6</b></p>	<p>Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (c) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.</p>	<p>Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng (a) các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội, (b) <b>các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết</b>, (c) hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp hoặc (d) sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ. Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.</p>	<p>Bổ sung thêm một trường hợp Chủ tọa có thể tạm hoãn họp đại hội ngay: “các phương tiện thông tin tại địa điểm họp không bảo đảm cho các cổ đông dự họp tham gia, thảo luận và biểu quyết”.</p> <p><i>Lý do:</i> Bổ sung để phù hợp với quy định tại Khoản 8, Điều 142, Luật Doanh nghiệp 2014.</p>
24	<p><b>Điều 20: Thông qua quyết định</b></p>	<p>1. Trừ trường hợp quy định tại Khoản c của Điều 20, các quyết định của Đại hội đồng cổ đông về các vấn đề sau đây sẽ được</p>	<p>1. Nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết</p>	<p>Thay đổi toàn bộ nội dung cũ bằng nội dung mới.</p>

<p><b>của Đại hội đồng cổ đông</b></p>	<p>thông qua khi có từ 65% trở lên tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>a. Thông qua báo cáo tài chính hàng năm.</p> <p>b. Kế hoạch phát triển ngắn và dài hạn của công ty.</p> <p>c. Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và báo cáo việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc điều hành.</p> <p>2. Các quyết định của Đại hội đồng cổ đông liên quan đến việc sửa đổi và bổ sung Điều lệ, loại cổ phiếu và số lượng cổ phiếu được chào bán, sáp nhập, tái tổ chức và giải thể Công ty, giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị từ 50% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty tính theo sổ sách kế toán đã được kiểm toán gần nhất sẽ chỉ được thông qua khi có từ 75% trở lên tổng số phiếu bầu các cổ đông có quyền biểu quyết có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền có mặt tại Đại hội đồng cổ đông.</p>	<p>của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận:</p> <p>a. Loại cổ phần và tổng số cổ phần của từng loại;</p> <p>b. Thay đổi ngành, nghề và lĩnh vực kinh doanh;</p> <p>c. Thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý công ty;</p> <p>d. Dự án đầu tư hoặc bán tài sản có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính gần nhất của công ty.</p> <p>đ. Tổ chức lại, giải thể công ty;</p> <p>e. Các vấn đề khác do Điều lệ công ty quy định.</p> <p>2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua khi được số cổ đông đại diện cho ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận, trừ trường hợp quy định tại khoản 1 và 3 Điều này.</p> <p>3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội đồng quản trị hoặc kiểm soát viên được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên quy định tại Điều lệ công ty. Trường hợp có từ hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên</p>	<p><i>Lý do:</i> Làm rõ hơn về điều kiện để thông qua từng nghị quyết đối với từng nội dung trong cuộc họp, theo Điều 144, Luật Doanh nghiệp 2014.</p>
--	---	---	--

			<p>cuối cùng của Hội đồng quản trị hoặc Ban kiểm soát thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy chế bầu cử hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>4. Quyết định của Đại hội đồng cổ đông phải được thông báo đến cổ đông có quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày quyết định được thông qua; trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi quyết định có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</p>	
25	<p><b>Điều 21:</b> <b>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><b>Khoản 4</b></p>	<p>Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức.</p> <p>Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu. Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở đều không hợp lệ.</p>	<p>Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:</p> <p>a. Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu.</p> <p>b. Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.</p> <p>Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết.</p>	<p>Thay đổi toàn bộ nội dung cũ bằng nội dung mới.</p> <p><i>Lý do:</i> Thay đổi để phù hợp với Khoản 4, Điều 145, Luật Doanh nghiệp 2014.</p>
26	<b>Điều 21:</b>	Các thành viên Hội đồng quản trị và người	Các thành viên Hội đồng quản trị, người	Bổ sung thêm : “người kiểm phiếu”.

	<p><b>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><i>Khoản 5</i></p>	<p>giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	<p><b>kiểm phiếu</b> và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.</p>	<p><i>Lý do:</i> Bổ sung thêm trách nhiệm của người người kiểm phiếu trong việc kiểm phiếu để phù hợp với nội dung quy định tại Khoản 5, Điều 145, Luật Doanh nghiệp 2014.</p>
27	<p><b>Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><i>Khoản 5 Điểm a</i></p>	<p>Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh</p>	<p>Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp</p>	<p>“số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, nơi đăng ký kinh doanh” -&gt; “mã số doanh nghiệp”</p> <p><i>Lý do:</i> Điều chỉnh thông tin phải thể hiện trên phiếu lấy ý kiến cho phù hợp với Điểm a, Khoản 5, Điều 145, Luật Doanh nghiệp 2014.</p>
28	<p><b>Điều 21: Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><i>Khoản 6</i></p>	<p>Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p>	<p>Biên bản kiểm phiếu phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn hai mươi tư (24) giờ, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu.</p>	<p>Bỏ nội dung: “và gửi đến các cổ đông trong vòng mười lăm (15) ngày”.</p> <p><i>Lý do:</i> Khoản 6, Điều 145, Luật Doanh nghiệp quy định trong trường hợp công ty có trang thông tin điện tử thì việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty.</p>

29	<p><b>Điều 21:</b> <b>Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><i>Khoản 8</i></p>	<p>Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 75% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.</p>	<p>Trường hợp thông qua quyết định dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản thì quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết chấp thuận.</p>	<p>“75%” -&gt; “51%”</p> <p><i>Lý do:</i> Điều chỉnh để phù hợp với quy định tại Khoản 4, Điều 144, Luật Doanh nghiệp 2014.</p>
30	<p><b>Điều 23: Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><i>Khoản 2</i></p>	<p>Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 trong bản Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:</p> <p>1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty.</p> <p>2. Nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.</p> <p>Trường hợp quyết định của Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ theo quyết định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập cuộc họp Đại hội đồng cổ đông bị hủy bỏ có thể xem xét tổ chức lại Đại hội đồng cổ đông trong vòng 60 ngày theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này.</p>	<p>Bỏ cụm từ “Trình tự, thủ tục ra quyết định”.</p> <p>“thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc, Ban Kiểm soát” -&gt; “nhóm cổ đông quy định tại khoản 3 Điều 11 trong bản Điều lệ này”</p> <p><i>Lý do:</i> Sửa đổi theo nội dung Điều 147, Luật Doanh nghiệp 2014</p>

31		Điều lệ hiện hành chưa có nội dung này	<p><b>Hiệu lực các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết, quyết định đó.</li> <li>2. Các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bởi cổ đông sở hữu 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết, quyết định đó không được thực hiện đúng như quy định.</li> <li>3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông như quy định tại Điều 23 của Điều lệ này, thì các nghị quyết, quyết định đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Toàn án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.</li> </ol>	<p>Đề nghị bổ sung thêm 01 Điều sau Điều 23: <b>Hiệu lực các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông</b></p> <p><i>Lý do:</i> Bổ sung theo quy định tại Điều 148, Luật Doanh nghiệp 2014.</p>
32	<p><b>Điều 24:</b> <b>Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị</b></p> <p><b>Khoản 5 &amp; Khoản 6</b></p>	<p>5. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị.</li> <li>b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty.</li> <li>c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có</li> </ol>	<p>5. Thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Không có đủ tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Điều 151 của Luật Doanh nghiệp 2014;</li> <li>b. Không tham gia các hoạt động của Hội đồng quản trị trong 06 tháng liên tục, trừ trường hợp bất khả kháng;</li> <li>c. Ủy quyền cho người khác tham dự quá hai (02) cuộc họp liên tiếp của HĐQT, trừ trường hợp được HĐQT chấp thuận</li> <li>d. Có đơn từ chức;</li> </ol>	<p>Thay thế nội dung Khoản 5 và Khoản 6 bằng nội dung mới theo Điều 156 Luật Doanh nghiệp năm 2014 và Điều 11 của Quy chế quản trị Công ty.</p> <p><i>Lý do:</i> Làm rõ hơn về các trường hợp thành viên Hội đồng quản trị bị miễn nhiệm và bãi nhiệm.</p>

		<p>những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi.</p> <p>d. Thành viên đó vắng mặt không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu tháng, và trong thời gian này Hội đồng quản trị không cho phép thành viên đó vắng mặt và đã phán quyết rằng chức vụ của người này bị bỏ trống.</p> <p>e. Thành viên đó bị cách chức thành viên Hội đồng quản trị theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>6. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</p>	<p>6. Thành viên Hội đồng quản trị có thể bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.</p> <p>7. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên Hội đồng quản trị trong trường hợp sau đây:</p> <p>a. Số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần ba so với số quy định tại Điều lệ công ty. Trong trường hợp này, Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày số thành viên bị giảm quá một phần ba.</p> <p>b. Số lượng thành viên độc lập Hội đồng quản trị giảm xuống, không bảo đảm tỷ lệ theo quy định tại khoản 4 Điều 150 của Luật Doanh nghiệp 2014.</p> <p>Trong các trường hợp khác, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm người khác tạm thời làm thành viên Hội đồng quản trị thay thế chỗ trống phát sinh và thành viên mới này phải được chấp thuận tại Đại hội đồng cổ đông ngay tiếp sau đó. Sau khi được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, việc bổ nhiệm thành viên mới đó sẽ được coi là có hiệu lực vào ngày được Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị mới được tính từ ngày việc bổ nhiệm có hiệu lực đến ngày kết thúc nhiệm kỳ của Hội đồng quản trị. Trong trường hợp thành viên mới không được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, mọi quyết định của Hội đồng quản trị cho đến trước thời điểm diễn ra Đại hội đồng cổ đông có sự tham gia biểu quyết của thành viên Hội đồng quản trị thay thế vẫn được coi là có hiệu lực.</p>	
33	<b>Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ</b>	<b>Điểm c:</b> Bổ nhiệm và bãi nhiệm các cán bộ quản lý công ty theo đề nghị của Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành và quyết	<b>Gộp điểm c và điểm i lại thành một điểm chung:</b> Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm Chủ tịch Hội	<b>Lý do:</b> Sửa đổi cho phù hợp với Điều 149, Luật Doanh nghiệp 2014.



	<p>của Hội đồng quản trị</p> <p><b>Khoản 3</b></p>	<p>định mức lương của họ.</p> <p><b>Điểm i:</b> Bỏ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành hay các cán bộ quản lý hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có).</p>	<p>đồng quản trị; bỏ nhiệm, miễn nhiệm, ký hợp đồng, chấm dứt hợp đồng đối với Giám đốc, Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý; quyết định mức lương và lợi ích khác của những người quản lý đó; cử người đại diện theo ủy quyền tham gia Hội đồng thành viên hoặc Đại hội đồng cổ đông ở công ty khác, quyết định mức thù lao và lợi ích khác của những người đó;</p>	
34	<p><b>Điều 25: Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị</b></p> <p><b>Khoản 4</b></p> <p><b>Điểm c</b></p>	<p>Trong phạm vi quy định tại <b>Điều 108.2</b> của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại <b>Điều 120.3</b> Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh).</p>	<p>Trong phạm vi quy định tại <b>Điều 149.2</b> của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại <b>Điều 162.3</b> Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và hủy bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê công ty và liên doanh).</p>	<p><i>Lý do:</i> Điều chỉnh phù hợp với thứ tự các điều trong Luật Doanh nghiệp 2014.</p>
35	<p><b>Điều 27: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b></p> <p><b>Khoản 4</b></p>	<p>Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn <b>mười lăm ngày</b> sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 27 phải được tiến hành trong thời hạn <b>bảy ngày</b> sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 27 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.</p>	<p>“Mười lăm ngày” -&gt; “Bảy ngày”</p> <p><i>Lý do:</i> Điều chỉnh cho phù hợp với Khoản 5, Điều 153, Luật Doanh nghiệp 2014.</p>
36	<p><b>Điều 27: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b></p> <p><b>Khoản 7</b></p>	<p>Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị <b>ít nhất năm ngày</b> trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể</p>	<p>Thông báo và chương trình họp. Thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị <b>ít nhất ba ngày</b> trước khi tổ chức họp, các thành viên Hội đồng có thể từ chối thông báo mời họp bằng văn bản và việc từ chối này có thể</p>	<p>“ít nhất năm ngày” -&gt; “ít nhất ba ngày”</p> <p><i>Lý do:</i> Điều chỉnh cho phù hợp với Khoản 6, Điều 153, Luật Doanh nghiệp 2014.</p>

		có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty	có hiệu lực hồi tố. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty	
37	<b>Điều 27: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b>  <i>Khoản 8</i>	Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).  <b>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn mười lăm (15) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</b>	Số thành viên tham dự tối thiểu. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị lần thứ nhất chỉ được tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất ba phần tư (3/4) số thành viên Hội đồng quản trị có mặt trực tiếp hoặc thông qua người đại diện (người được ủy quyền).  <b>Trường hợp không đủ số thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải được triệu tập lại trong thời hạn bảy (07) ngày kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất. Cuộc họp triệu tập lại được tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.</b>	“ít nhất năm ngày” -> “ít nhất 3 ngày”  <i>Lý do:</i> Điều chỉnh cho phù hợp với Khoản 8, Điều 153, Luật Doanh nghiệp 2014.
38	<b>Điều 27: Các cuộc họp của Hội đồng quản trị</b>  <i>Khoản 9 Điểm a</i>	Trừ quy định tại Khoản 9b Điều 27, mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.	Trừ quy định tại Khoản 9b Điều 27, Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:  - Tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; - Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.	“mỗi thành viên Hội đồng quản trị hoặc người được ủy quyền trực tiếp có mặt với tư cách cá nhân tại cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ có một phiếu biểu quyết.” -> “Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:  - Tham dự và biểu quyết tại cuộc

			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;</li> <li>- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</li> </ul> <p>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.</p>	<p>họp;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ủy quyền cho người khác đến dự họp nếu được đa số thành viên Hội đồng quản trị chấp thuận.</li> <li>- Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;</li> <li>- Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.</li> </ul> <p>Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả người dự họp.”</p> <p><i>Lý do:</i> Điều chỉnh theo Khoản 9, Điều 153, Luật Doanh nghiệp 2014.</p>
39		Điều lệ hiện hành chưa có nội dung này	<p><b>Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng Giám đốc</b></p> <p>1. Cổ đông, nhóm cổ đông sở hữu ít nhất 1% số cổ phần phổ thông liên tục trong thời hạn 06 tháng có quyền tự mình hoặc nhân danh công ty khởi kiện trách nhiệm dân sự đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng Giám đốc trong các trường hợp sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>a) Vi phạm nghĩa vụ người quản lý công ty theo quy định tại Điều 160 của Luật này;</li> <li>b) Không thực hiện đúng các quyền và nhiệm vụ được giao; không thực hiện, thực hiện không đầy đủ, không kịp thời quyết định của Hội đồng quản trị;</li> </ul>	<p>Đề nghị bổ sung thêm 1 Điều sau Điều 31: <b>Quyền khởi kiện đối với thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc, Tổng Giám đốc</b></p> <p><i>Lý do:</i> Bổ sung vì đây là nội dung mới của của Luật Doanh nghiệp 2014 (Điều 161).</p>

			<p>c) Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao trái với quy định của pháp luật, Điều lệ công ty hoặc Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;</p> <p>d) Sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>đ) Lạm dụng địa vị, chức vụ và tài sản của công ty để tư lợi riêng hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;</p> <p>e) Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.</p> <p>2. Trình tự, thủ tục khởi kiện thực hiện tương ứng theo quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Chi phí khởi kiện trong trường hợp cổ đông, nhóm cổ đông khởi kiện nhân danh công ty sẽ tính vào chi phí của công ty, trừ trường hợp thành viên khởi kiện bị bác yêu cầu khởi kiện.</p>	
40	<p><b>Điều 35:</b> <b>Thành viên Ban kiểm soát</b></p> <p><b>Khoản 1</b></p>	<p>Số lượng thành viên Ban kiểm soát có 03 (ba) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. <b>Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.</b></p>	<p><b>Khoản 2:</b> Số lượng thành viên Ban kiểm soát có 03 (ba) thành viên. Trong Ban kiểm soát phải có ít nhất một thành viên là người có chuyên môn về tài chính kế toán. Thành viên này không phải là nhân viên trong bộ phận kế toán, tài chính của công ty và không phải là thành viên hay nhân viên của công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện việc kiểm toán các báo cáo tài chính của công ty. <b>Các kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên</b></p>	<p>“Ban kiểm soát phải chỉ định một (01) thành viên làm Trưởng ban. Trưởng ban kiểm soát là người có chuyên môn về kế toán.” -&gt; “Các kiểm soát viên bầu một người trong số họ làm Trưởng Ban kiểm soát theo nguyên tắc đa số. Ban kiểm soát phải có hơn một nửa số thành viên thường trú ở Việt Nam. Trưởng ban kiểm soát phải là kế toán viên hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty”.</p> <p><b>Lý do:</b> Điều chỉnh phù hợp với Điều 163,</p>

			<b>hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp và phải làm việc chuyên trách tại công ty.</b>	Luật Doanh nghiệp 2014.
41	<b>Điều 36: Ban Kiểm soát</b>  <b>Khoản 1</b>	Công ty phải có Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại <b>Điều 123</b> của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:  a. Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập. b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán. c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết. d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị. e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc. f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty. g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.	Công ty phải có Ban Kiểm soát và Ban Kiểm soát sẽ có quyền hạn và trách nhiệm theo quy định tại <b>Điều 165</b> của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ này, chủ yếu là những quyền hạn và trách nhiệm sau đây:  a. Đề xuất lựa chọn Công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề liên quan đến sự rút lui hay bãi nhiệm của công ty kiểm toán độc lập. b. Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán. c. Xin ý kiến tư vấn chuyên nghiệp độc lập hoặc tư vấn về pháp lý và đảm bảo sự tham gia của những chuyên gia bên ngoài công ty với kinh nghiệm trình độ chuyên môn phù hợp vào công việc của công ty nếu thấy cần thiết. d. Kiểm tra các báo cáo tài chính hàng năm, sáu tháng và hàng quý trước khi đệ trình Hội đồng quản trị. e. Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc. f. Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập và ý kiến phản hồi của ban quản lý công ty. g. Xem xét báo cáo của công ty về các hệ thống kiểm soát nội bộ trước khi Hội đồng quản trị chấp thuận h. Xem xét những kết quả điều tra nội bộ và ý kiến phản hồi của ban quản lý.	“Điều 123” -> “Điều 165”  <i>Lý do:</i> Điều chỉnh theo thứ tự đúng của các Điều trong Luật Doanh nghiệp 2014.  Bổ sung thêm quyền hạn và trách nhiệm của Ban Kiểm soát:  i. “Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty. j. Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty. k. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.”  <i>Lý do:</i> Bổ sung theo Điều 165 Luật Doanh nghiệp 2014.

			<ul style="list-style-type: none"> <li>i. <b>Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của công ty.</b></li> <li>j. <b>Có quyền tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của công ty.</b></li> <li>k. <b>Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.</b></li> </ul>	
42	<b>Điều 49: Con dấu</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Hội đồng quản trị quyết định thông qua sơ bộ con dấu chính thức của Công ty và con dấu chính thức sẽ được khắc theo quy định của pháp luật.</li> <li>2. Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>1. Hội đồng quản trị quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây: <ul style="list-style-type: none"> <li>a. Tên doanh nghiệp;</li> <li>b. Mã số doanh nghiệp.</li> </ul> </li> <li>2. Trước khi sử dụng, Công ty phải có thông báo mẫu dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.</li> <li>3. Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.</li> <li>4. Con dấu được sử dụng trong các trường hợp theo quy định của pháp luật hoặc các bên giao dịch có thỏa thuận về việc sử dụng con dấu.</li> </ul>	<p>Thay đổi toàn bộ nội dung cũ bằng nội dung mới.</p> <p><i>Lý do:</i> điều chỉnh phù hợp với nội dung Điều 44, Luật Doanh nghiệp 2014.</p>
43	<b>Điều 57:</b> (Quy định Chữ ký trong Bản Điều lệ)	Chữ ký của các thành viên HĐQT hoặc của người đại diện theo pháp luật của công ty.	Chữ ký của người đại diện theo pháp luật của Công ty.	Điều chỉnh chữ ký trong bản Điều lệ phù hợp với quy định tại Điểm c, Khoản 3, Điều 25 Luật doanh nghiệp là chữ ký của Người đại diện theo pháp luật của Công ty